	Khoản mục dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
I	**ĐỔI TIỀN**	
1	Đổi tiền mặt VND	
1.1	Đổi tiền có mệnh giá nhỏ lấy tiền có mệnh giá lớn hơn	0,1%/số tiền đổi TT: 5.000VND
1.2	Đổi tiền có mệnh giá lớn lấy tiền có mệnh giá nhỏ hơn	Miễn phí
1.3	Đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông	Miễn phí
2	Đổi tiền mặt ngoại tệ	
2.1	Đổi tiền có mệnh giá nhỏ lấy tiền có mệnh giá lớn hơn	2%/số tiền đổi TT: 2USD
2.2	Đổi tiền có mệnh giá lớn lấy tiền có mệnh giá nhỏ hơn	Miễn phí
2.3	Thu đổi ngoại tệ tiền mặt lấy VND	Miễn phí
II	**KIỂM ĐẾM HỘ**	
1	Kiểm đếm hộ VND	
1.1	Kiểm đếm hộ KH tại quầy giao dịch BVB	0,03%/số tiền kiểm đếm TT: 20.000VND TĐ: 2.000.000VND
1.2	Kiểm đếm hộ KH tại nơi KH yêu cầu	0.03%/số tiền kiểm đếm + Chi phí thực tế phát sinh
	Lưu ý: Khoản mục phí 1.2(a,b): Theo tiêu chí phân nhóm Khách hàng doanh nghiệp ban hành từng thời kỳ	
2	Kiểm đếm hộ ngoại tệ	
2.1	Kiểm định hộ KH tại quầy giao dịch BVB	0,15USD/tờ TT: 1USD/EUR
2.2	Kiểm đếm hộ KH tại quầy giao dịch BVB	
a	USD, EUR	0,1%/số tiền kiểm đếm TT: 2USD/EUR
b	Ngoại tệ khác	0,15%/số tiền kiểm đếm TT: 2USD (tương đương)
2.3	Kiểm đếm, kiểm định hộ KH tại nơi KH yêu cầu	Theo thỏa thuận TT: 20USD
III	**GIẤY PHÉP MANG NGOẠI TỆ**	
	Cấp giấy xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài (cho công dân VN để phục vụ thanh toán vãng lai)	Theo thỏa thuận TT: 100.000VND/lần
IV	**LƯU GIỮ QUẢN LÝ TÀI SẢN**	
1	Giữ hộ tiền (Không bao gồm phí kiểm đếm. Khách hàng trong thời gian gửi không được rút bớt 01 phần. Niêm phong nguyên bao theo giá trị kê khai) Lưu ý: Yêu cầu phải mở bao niêm phong, xem bảng kê, rồi sau đó niêm phong lại.	
1.1	Đối với VND	0,05%/tổng giá trị giữ hộ TT:100.000VND
1.2	Đối với Ngoại tệ	0,05%/tổng giá trị giữ hộ TT: 5USD
2	Giữ hộ tài liệu Lưu ý: Không thu phí đối với trường hợp tài sản giữ hộ đảm bảo cho hạn mức tín dụng được cấp nhưng chưa sử dụng.	100.000VND/bộ/tháng

	Khoản mục dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
V	**THU/CHI HỘ TIỀN MẶT TẠI NƠI KH YÊU CẦU**	**Theo thỏa thuận**
1	Bán kính ≤ 10km	0,08%/tổng giá trị/lần TT: 400.000VND
2	10km ≤ Bán kính ≤ 20km	0,1%/tổng giá trị/lần TT: 700.000VND
3	Bán kính ≥ 20km	0,12%/tổng giá trị/lần TT: 1.000.000VND
	Lưu ý: * Nếu thu/chi hộ ngoài giờ làm việc: tỷ lệ thu phí nhân hệ số 1.5; * Nếu thu/chi hộ vào ngày nghỉ: tỷ lệ thu mức phí nhân hệ số 2.0; * Nếu thu/chi hộ vào ngày Lễ/Tết: tỷ lệ thu mức phí nhân hệ số 2.5. Việc cung ứng dịch vụ tùy thuộc vào khả năng của từng Đơn vị kinh doanh trên cơ sở cân nhắc hiệu quả và nguồn lực.	
VI	**PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN ĐẢM BẢO**	
1	Thay đổi tài sản đảm bảo: Bất động sản/ Động sản ngoại trừ các giấy tờ có giá do BVB phát hành	500.000VND/lần
2	Quản lý tài sản đảm bảo	Miễn phí
2.1	Cấp bản sao giấy tờ đảm bảo theo yêu cầu của khách hàng (không bao gồm phí công chứng)	Miễn phí
a	Bản sao đăng ký xe	10.000VND/bản/lần
b	Bản sao giấy tờ khác	100.000VND/tài sản/lần
	Lưu ý: Phí cấp bản sao theo yêu cầu của KH được tính theo bộ hoặc tài sản trên 1 lần xuất kho, Ví dụ: 1 lần xuất kho 10 bộ tài sản khác nhau được tính 100.000vnd * 10bộ * 1lần = 1.000.000vnd 1 lần xuất kho 1 bộ tài sản được photo 10 bản, tính phí 100.000vnd * 1 * 1 lần = 100.000vnd	
2.2	Mượn tài sản đảm bảo	Theo thỏa thuận TT: 300.000VND/tài sản
3	Ngân hàng xác nhận bằng văn bản	
3.1	Giữ giấy chủ quyền nhà (bản chính)	200.000VND/lần
3.2	Chấp thuận cho sửa chữa, xây dựng nhà, thay đổi	200.000VND/lần
3.3	Chấp thuận cho thuê nhà/thuê đất/thuê xe	500.000VND/lần
4	Cung cấp mẫu xác nhận tình trạng nhà theo yêu cầu của cơ quan chức năng	500.000VND/lần
VII	**DỊCH VỤ KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA KH**	Theo thỏa thuận TT: 100.000VND